

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TU
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2024/KDTM-ST

Ngày: 15/7/2024

V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TU, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thành Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Nguyễn Thanh Cần;

Ông Nguyễn Văn Thảo.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TU, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TU, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố TU, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh T1 mại thụ lý số 50/2024/TLST-KDTM ngày 19 tháng 3 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2024/QĐXXST-KDTM ngày 04 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2024/QĐST-KDTM ngày 27 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Công ty TNHH Thương mại TN; địa chỉ: thửa đất 252, tờ bản đồ số 39, khu phố 7, phường U, thành phố TU, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thanh M; chức danh: Chủ tịch công ty kiêm Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị T1, sinh năm 1995. Địa chỉ thường trú: thôn Đ2, xã E, huyện K, tỉnh Đ; địa chỉ liên hệ: số 84 đường P, khu phố M2, phường A, thành phố A, tỉnh Bình Dương (theo Văn bản ủy quyền ngày 27/02/2024); có mặt.

- **Bị đơn:** Công ty TNHH TV; địa chỉ: thửa đất số 31, tờ bản đồ số 09, khu phố Ô, phường H, thành phố TU, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông D, chức danh: Tổng Giám đốc; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thống nhất trình bày:

Công ty TNHH TV (gọi tắt là Công ty TV) là khách hàng thân thiết của Công ty TNHH T1 mại TN (gọi tắt là Công ty TN). Công ty TN bắt đầu bán hàng hoá là ván lạng các loại cho Công ty TV từ khoảng năm 2020. Do tin tưởng nên việc mua bán các bên không lập thành hợp đồng mà tất cả đặt hàng, báo giá đều qua trao đổi điện thoại giữa các bên. Từ năm 2020, Công ty TN đã bán cho Công ty TV tổng giá trị hàng hóa là 1.262.539.783 đồng (đã bao gồm thuế VAT) theo 10 Hoá đơn GTGT mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án, cụ thể là các hoá đơn sau:

Số thứ tự	Số hoá đơn	Ngày ghi trên Hoá đơn	Số tiền (đã bao gồm VAT)
1	78	28/03/2020	62.622.398
2	65	28/02/2020	98.177.104
3	17	31/05/2022	409.861.105
4	25	30/06/2022	305.261.578
5	31	27/07/2022	32.153.947
6	46	30/08/2022	79.042.083
7	59	27/10/2022	50.856.998
8	70	15/12/2022	63.708.975
9	3	25/02/2023	105.333.845
10	15	27/03/2023	55.521.750
Tổng:			1.262.539.783

Đối với số tiền mua hàng còn nợ, Công ty TN đã nhiều lần liên hệ nhưng phía Công ty TV hứa hẹn hết ngày này sang ngày khác nhưng không thực hiện việc thanh toán cho Công ty TN.

Đến ngày 06/01/2023, Công ty TV hứa hẹn sẽ thanh toán đầy đủ tiền hàng còn nợ đồng thời xin mua hàng mới của Công ty TN. Chính vì lý do đó mà năm 2023 Công ty TN tiếp tục bán hàng cho Công ty TV và xuất Hoá đơn số 3 ngày 25/2/2023 và Hoá đơn 15 ngày 27/03/2023 trong tổng số 10 Hoá đơn nói trên.

Tuy nhiên, sau đó phía Công ty TV không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên Công ty TN đã tiến hành khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty TV phải trả số tiền gốc mua hàng hóa còn nợ là 1.262.539.783 đồng và yêu cầu trả tiền lãi do chậm thanh toán theo quy định của pháp luật.

Về lãi suất: Công ty TN có yêu cầu tính lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán với mức lãi suất 1% /tháng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, tạm tính 100.000.000 đồng (Lãi suất sẽ được tiếp tục tính cho tới khi Công ty TV hoàn thành nghĩa vụ thanh toán).

Tại phiên tòa, đại diện Công ty TN trình bày cụ thể về tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (15/7/2024) như sau:

Đối với hoá đơn số 78 tính lãi từ tháng 5/2020 đến tháng 6/2024 là 49 tháng:
 $62.622.398 \text{ đồng} \times 49 \text{ tháng} \times 1\%/\text{tháng} = 30.684.975 \text{ đồng};$

Đối với hoá đơn số 65 tính lãi từ tháng 4/2020 đến tháng 6/2024 là 50 tháng:
 $98.177.104 \text{ đồng} \times 50 \text{ tháng} \times 1\%/\text{tháng} = 49.088.552 \text{ đồng};$

Đối với hoá đơn số 17 tính lãi từ tháng 7/2022 đến tháng 6/2024 là 23 tháng:
 $409.861.105 \text{ đồng} \times 23 \text{ tháng} \times 1\%/\text{tháng} = 94.268.054 \text{ đồng};$

Đối với hoá đơn số 25 tính lãi từ tháng 8/2022 đến tháng 6/2024 là 22 tháng:
 $305.261.578 \text{ đồng} \times 22 \text{ tháng} \times 1\%/\text{tháng} = 67.157.547 \text{ đồng};$

Đối với hoá đơn số 31 tính lãi từ tháng 9/2022 đến tháng 6/2024 là 21 tháng:
 $32.153.947 \text{ đồng} \times 21 \text{ tháng} \times 1\%/\text{tháng} = 6.752.328 \text{ đồng};$

Đối với hoá đơn số 46 tính lãi từ tháng 10/2022 đến tháng 6/2024 là 20 tháng:
 $79.042.083 \text{ đồng} \times 20 \text{ tháng} \times 1\%/\text{tháng} = 15.808.416 \text{ đồng};$

Đối với hoá đơn số 59 tính lãi từ tháng 12/2022 đến tháng 6/2024 là 18 tháng:
 $50.856.998 \text{ đồng} \times 18 \text{ tháng} \times 1\%/\text{tháng} = 9.154.259 \text{ đồng};$

Đối với hoá đơn số 70 tính lãi từ tháng 2/2023 đến tháng 6/2024 là 16 tháng:
 $63.708.975 \text{ đồng} \times 16 \text{ tháng} \times 1\%/\text{tháng} = 10.193.436 \text{ đồng};$

Đối với hoá đơn số 3 tính lãi từ tháng 4/2023 đến tháng 6/2024 là 14 tháng:
 $105.333.845 \text{ đồng} \times 14 \text{ tháng} \times 1\%/\text{tháng} = 14.746.738 \text{ đồng};$

Đối với hoá đơn số 15 tính lãi từ tháng 5/2024 đến tháng 6/2024 là 13 tháng:
 $55.521.750 \text{ đồng} \times 13 \text{ tháng} \times 1\%/\text{tháng} = 7.217.827 \text{ đồng};$

Tổng tiền lãi: 305.072.132 đồng.

Như vậy, tổng số tiền Công ty TNHH T1 mại TN yêu cầu Công ty TNHH TV thanh toán là 1.567.611.915 đồng, trong đó: Tiền hàng còn nợ là 1.262.539.783 đồng và tổng tiền lãi là 305.072.132 đồng.

Bị đơn Công ty TNHH TV vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không có văn bản trình bày ý kiến.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa sơ thẩm như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Xét thấy, nguyên đơn Công ty TNHH T1 mại TN khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn Công ty TNHH TV phải trả số tiền còn nợ xuất phát từ việc mua bán hàng hóa là ván lạng, đây là vụ án kinh doanh T1 mại “Tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa”. Bị đơn có trụ sở tại thành phố TU, tỉnh Bình Dương nên theo khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố TU, tỉnh Bình Dương.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Bị đơn là Công ty TNHH TV, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 (hai) lần tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Nguyên đơn Công ty TNHH T1 mại TN yêu cầu bị đơn Công ty TNHH TV thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 1.262.539.783 đồng và tiền lãi chậm trả tính đến tháng 06/2024 là **305.072.132** đồng tương ứng với lãi suất 1%/tháng.

[4] Xét yêu cầu trả tiền nợ gốc của nguyên đơn:

Nguyên đơn Công ty TNHH T1 mại TN yêu cầu bị đơn Công ty TNHH TV thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là: 1.262.539.783 đồng. Chứng cứ để chứng minh yêu cầu là các hóa đơn số 78 ngày 28/3/2020, hóa đơn số 65 ngày 28/02/2020, hóa đơn số 17 ngày 31/5/2020, hóa đơn số 25 ngày 30/6/2022, hóa đơn số 31 ngày 27/7/2022, hóa đơn số 46 ngày 30/8/2022, hóa đơn số 59 ngày 27/10/2022, hóa đơn số 70 ngày 15/12/2022, hóa đơn số 3 ngày 25/02/2023 và hóa đơn số 15 ngày 27/3/2023.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn Công ty TNHH TV đều không có mặt; như vậy Công ty TNHH TV đã từ bỏ quyền chứng minh của bị đơn đối với các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án. Tòa án triệu tập hợp lệ Công ty TNHH TV tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng Công ty TNHH TV vẫn không có mặt là đã từ bỏ quyền phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, có căn cứ xác định Công ty TNHH TV không có ý kiến phản đối đối với chứng cứ nguyên đơn cung cấp và đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Xét chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là Phiếu giao hàng, hóa đơn giá trị gia tăng, Công ty TNHH T1 mại TN xác định đã cung cấp hàng hóa cho Công

ty TNHH TV với tổng giá trị là 1.262.539.783 đồng là phù hợp với giá trị hàng hóa, hóa đơn Công ty TNHH TV đã nhận.

Đồng thời, tại biên bản hoà giải ngày 23/4/2024 của Tòa án đối với vụ án kinh doanh T1 mại thụ lý số 51/2024/TLST-KDTM ngày 19/3/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” giữa nguyên đơn Công ty TNHH gỗ Tuấn Mạo và bị đơn Công ty TNHH TV (là một vụ án khác cũng do Tòa án nhân dân thành phố TU thụ lý, giải quyết) thì Công ty TV trình bày đã trả 100.000.000 đồng tiền mặt cho Công ty TNHH gỗ Tuấn Mạo và xác nhận còn nợ của Công ty TN số tiền 1.262.539.783 đồng. Như vậy, có căn cứ để xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH T1 mại TN đối với bị đơn Công ty TNHH TV còn nợ số tiền 1.262.539.783 đồng. Căn cứ khoản 1 Điều 50 Luật T1 mại thì bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền hàng theo thỏa thuận. Như vậy, Công ty TNHH TV đã nhận hàng nhưng không thanh toán tiền hàng là vi phạm thỏa thuận; do đó có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty TNHH TV thanh toán cho Công ty TNHH T1 mại TN số tiền nợ gốc 1.262.539.783 đồng.

[6] Về tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ:

Căn cứ các hoá đơn số 78 tính lãi từ tháng 5/2020 đến tháng 6/2024 là 49 tháng: $62.622.398 \text{ đồng} \times 49 \text{ tháng} \times 1\%/\text{tháng} = 30.684.975 \text{ đồng}$; hoá đơn số 65 tính lãi từ tháng 4/2020 đến tháng 6/2024 là 50 tháng: $98.177.104 \text{ đồng} \times 50 \text{ tháng} \times 1\%/\text{tháng} = 49.088.552 \text{ đồng}$; hoá đơn số 17 tính lãi từ tháng 7/2022 đến tháng 6/2024 là 23 tháng: $409.861.105 \text{ đồng} \times 23 \text{ tháng} \times 1\%/\text{tháng} = 94.268.054 \text{ đồng}$; hoá đơn số 25 tính lãi từ tháng 8/2022 đến tháng 6/2024 là 22 tháng: $305.261.578 \text{ đồng} \times 22 \text{ tháng} \times 1\%/\text{tháng} = 67.157.547 \text{ đồng}$; hoá đơn số 31 tính lãi từ tháng 9/2022 đến tháng 6/2024 là 21 tháng: $32.153.947 \text{ đồng} \times 21 \text{ tháng} \times 1\%/\text{tháng} = 6.752.328 \text{ đồng}$; hoá đơn số 46 tính lãi từ tháng 10/2022 đến tháng 6/2024 là 20 tháng: $79.042.083 \text{ đồng} \times 20 \text{ tháng} \times 1\%/\text{tháng} = 15.808.416 \text{ đồng}$; hoá đơn số 59 tính lãi từ tháng 12/2022 đến tháng 6/2024 là 18 tháng: $50.856.998 \text{ đồng} \times 18 \text{ tháng} \times 1\%/\text{tháng} = 9.154.259 \text{ đồng}$; hoá đơn số 70 tính lãi từ tháng 2/2023 đến tháng 6/2024 là 16 tháng: $63.708.975 \text{ đồng} \times 16 \text{ tháng} \times 1\%/\text{tháng} = 10.193.436 \text{ đồng}$; hoá đơn số 3 tính lãi từ tháng 4/2023 đến tháng 6/2024 là 14 tháng: $105.333.845 \text{ đồng} \times 14 \text{ tháng} \times 1\%/\text{tháng} = 14.746.738 \text{ đồng}$; hoá đơn số 15 tính lãi từ tháng 5/2024 đến tháng 6/2024 là 13 tháng: $55.521.750 \text{ đồng} \times 13 \text{ tháng} \times 1\%/\text{tháng} = 7.217.827 \text{ đồng}$. Tổng tiền lãi: 305.072.132 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Khoản 1 Điều 55 của Luật T1 mại quy định về thời hạn thanh toán:

“Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, thời hạn thanh toán được quy định như sau:

1. Bên mua phải thanh toán cho bên bán vào thời điểm bên bán giao hàng hoặc giao chứng từ liên quan đến hàng hóa ...”.

Điều 306 của Luật T1 mại quy định về quyền yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán như sau: “Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng

hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các khoản chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”.

Theo kết quả xác minh tại Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn thành phố TU, Ngân hàng TMCP Sài Gòn T1 tín - Phòng Giao dịch thành phố TU và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt nam (BIDV) - Phòng giao dịch thành phố TU thì mức lãi suất cho vay trung hạn và dài hạn là từ 9% - 12%/năm.

Như vậy, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán tiền lãi chậm trả với mức lãi suất 01%/tháng như trên là phù hợp, có căn cứ chấp nhận.

[7] Từ những phân tích trên, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH T1 mại TN.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị chấp toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp.

[9] Án phí kinh doanh T1 mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Các Điều 24, 50, 55, 301, 306 và Điều 319 của Luật T1 mại;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH T1 mại TN về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa với bị đơn Công ty TNHH TV.

Buộc Công ty TNHH TV có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH T1 mại TN tổng số tiền 1.567.611.915 đồng (*Một tỷ năm trăm sáu mươi bảy triệu sáu trăm mười một nghìn chín trăm mười lăm đồng*), trong đó nợ gốc 1.262.539.783

đồng (Một tỷ hai trăm sáu mươi hai triệu năm trăm ba mươi chín nghìn bảy trăm tám mươi ba đồng) và tiền lãi chậm trả là 305.072.132 đồng (Ba trăm lẻ năm triệu không trăm bảy mươi hai nghìn một trăm ba mươi hai đồng).

Khi bản án có hiệu lực, kể từ ngày người được thi hành án nộp đơn yêu cầu Thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền phải thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí sơ thẩm:

Buộc Công ty TNHH TV phải chịu số tiền 59.028.357 đồng (Năm mươi chín triệu không trăm hai mươi tám nghìn ba trăm năm mươi bảy đồng) án phí kinh doanh T1 mại sơ thẩm.

Trả lại cho Công ty TNHH T1 mại TN số tiền 26.438.000 đồng (Hai mươi sáu triệu bốn trăm ba mươi tám nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001168 ngày 14/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TU.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 1, Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố TU;
- Chi cục THADS thành phố TU;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Võ Thành Hiệp